

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HS-ST
Ngày 16 - 10 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Vinh và Ông Hoàng Công Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Cao Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025, đối với bị cáo:

Trịnh Thế N, giới tính: Nam, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1977 tại tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị); nơi đăng ký cư trú: thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị (thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cũ); Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 03/12; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Trịnh Ngọc L và bà Mai Thị M (đều đã chết); vợ: chị Trần Thị L1, sinh năm 1979; con: có 03 đứa, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (nay Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị) xử phạt 03 năm tù, về tội “Giết người”, tại bản án hình sự số 06/HSST, ngày 22 tháng 3 năm 1996, chấp hành xong hình phạt vào ngày 05 tháng 01 năm 1998; ngày 15 tháng 01 năm 2025, có hành vi “Giết người”, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm về tội “Giết người”, bị cáo kháng cáo bản án, đến thời điểm hiện tại chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của cấp Phúc thẩm. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Q trong vụ án khác. Có mặt.

Những người làm chứng:

+ Bà Trần Thị L1, sinh năm 1979, nơi cư trú: thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

+ Bà Lê Thị L2, sinh năm 1952, thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Tiên D, sinh năm 2006, thôn B, xã N, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 20 phút ngày 12/01/2025, Trịnh Thế N đang ở nhà của mình thì bị em trai là anh Trịnh Bát N1 đi nhậu về dùng lời lẽ thô tục chửi bới, lúc sau anh N1 vào nhà. Nam bức xúc nên nảy sinh ý định sang giết anh N1 cho hả giận, liền đi vào nhà bếp lấy một con dao, dạng dao bầu, dài 27,3 cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại một cạnh sắc, mũi dao nhọn đi bộ sang nhà anh N1 theo lối cổng sau, rồi đi vào nhà bằng lối cửa bếp qua nhà chính đến phòng ngủ. Thấy anh N1 đang nằm trên giường, tư thế nằm ngửa, mắt nhắm, chấn đập ngang phần bụng, Nam tiến đến đứng sát giường, cầm dao bằng tay phải giơ lên ngang mặt rồi đâm một nhát theo hướng từ trên xuống dưới trúng vào vùng ngực bên phải của anh N1 rồi rút dao ra và cầm theo dao đi ra cửa hông phía sau theo lối cũ đến mương nước cạnh cổng nhà mình rửa tay và dao dính máu, rồi vứt con dao xuống mương nước. Hậu quả anh Trịnh Bát N1 tử vong tại hiện trường. Cùng ngày, Bệnh viện Đ nồng độ cồn trong máu của Trịnh Thế N là 44,58 mmol/l.

Kết luận giám định số 103/KL-PY ngày 08/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q (nay là tỉnh Quảng Trị), kết luận: Nguyên nhân chết của Trịnh Bát N1: Mất máu cấp do vết thương vùng ngực bên phải; Thời gian chết: Thời gian từ khi Trịnh Bát N1 chết tới thời điểm bắt đầu tiến hành khám nghiệm tử thi là khoảng từ 02 đến 04 giờ đồng hồ; Trịnh Bát N1 chết sau bữa ăn cuối cùng từ 1,5 đến 03 giờ đồng hồ; Cơ chế hình thành dấu vết trên tử thi: Các dấu vết rách da, cơ vùng ngực bên phải; gãy cung trước các xương sườn số 3, 4 bên phải; rách phổi phải, đứt động mạch phổi phải của tử thi Trịnh Bát N1 hình thành do vật sắc, nhọn, tác động trực tiếp vào vùng ngực bên phải của tử thi theo hướng từ trước ra sau gây nên.

Kết luận giám định số 138/KL-KTHS ngày 11/02/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Trên con dao gửi giám định có ADN của Trịnh Bát N1, không có ADN của Trịnh Thế N hay người nào khác; Mẫu chất màu nâu đỏ ghi thu tại vị trí số 06 ở hiện trường là máu của Trịnh Bát N1, không phải máu của Trịnh Thế N hay người nào khác.

Kết luận giám định số 141/KL-KTHS ngày 20/02/2025 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng, kết luận: Con dao Trịnh Thế N sử dụng: Mẫu vật có đặc điểm nêu trên gửi giám định là dao sắc, nhọn, thuộc Phụ lục 5 “*Danh mục dao có tính sát thương cao*” Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C.

- Về vật chứng: Thu giữ 01 con dao, dạng dao bầu, dài 27,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại sáng màu, dài 15,4 cm, chỗ rộng nhất 4,3 cm, mũi nhọn và một cạnh sắc, một bên bề mặt lưỡi dao có các chữ “*Dao Thép Không Rỉ, Mạnh Đồng L3, Thép N2*”, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 11,9 cm, đã qua sử dụng.

- Về dân sự: Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường.

- Cáo trạng số 916/CT - VKSQT-P1 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị truy tố bị cáo Trịnh Thế N về tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Vắng mặt một số người làm chứng, đại diện Viện kiểm sát và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa. Xét họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh Quảng Trị giữ quyền công tố và luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bị cáo Trịnh Thế N phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”;

+ Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 304; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; các điểm d, k khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 con dao, dạng dao bầu, dài 27,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại sáng màu, dài 15,4 cm, chỗ rộng nhất 4,3 cm, mũi nhọn và một cạnh sắc, một bên bề mặt lưỡi dao có các chữ “*Dao Thép Không Rỉ, Mạnh Đồng L3, Thép N2*”, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 11,9 cm, đã qua sử dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xét.

+ Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo nhất trí với toàn bộ nội dung Cáo trạng, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Thế N đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Ngày 12 tháng 01 năm 2025, bị cáo đang ở nhà của mình thì bị em trai là anh Trịnh Bát N1 đi nhậu về, dùng lời lẽ thô tục chửi bới. Bức xúc nên một lúc sau bị cáo

vào bếp lấy 01 con dao có đặc điểm dạng dao bầu, dài 27,3 cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại một cạnh sắc, mũi dao nhọn (theo kết luận giám định là dao sắc, nhọn, thuộc Phụ lục 5 “*Danh mục dao có tính sát thương cao*” quy định tại Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ C) đi bộ sang nhà anh N1. Lợi dụng anh N1 đang ngủ, bị cáo đâm một nhát vào vùng ngực bên phải làm anh N1 tử vong tại chỗ. Hành vi bị cáo đâm chết anh N1 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Bị cáo kháng cáo bản án, đến thời điểm xét xử sơ thẩm về hành vi “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” chưa có bản án có hiệu lực pháp luật của cấp Phúc thẩm xét xử về tội “Giết người” để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, đủ cơ sở kết luận: bị cáo Trịnh Thế N có hành vi dùng dao sắc, nhọn thuộc “*Danh mục dao có tính sát thương cao*” đâm, dẫn đến cái chết của bị hại nên đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc sử dụng dao nhọn có tính sát thương cao để tước đoạt tính mạng bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ngoài việc trực tiếp xâm phạm tính mạng bị hại, còn xâm phạm các quy định của Nhà nước về sản xuất, quản lý vũ khí quân dụng, đe dọa đến an ninh và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu và gây tác hại về nhiều mặt đời sống xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét quyết định áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội giết người. Bức xúc bị em trai mình chửi tục sau khi uống rượu say, đáng lẽ bị cáo bình tĩnh nói chuyện hoặc chờ em mình tỉnh rượu để hỏi nguyên do nhưng bị cáo không làm điều đó mà sẵn sàng dùng vũ lực, thể hiện tính côn đồ, tấn công vào vùng trọng yếu trên cơ thể khi bị hại không có khả năng tự vệ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm d, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo, đó là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, thuộc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra được đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: 01 con dao, dạng dao bầu, dài 27,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại sáng màu, dài 15,4 cm, chỗ rộng nhất 4,3 cm, mũi nhọn và một cạnh sắc, một bên bề mặt lưỡi dao có các chữ “*Dao Thép Không Rỉ, Mạnh Đồng L3, Thép N2*”, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 11,9 cm, đã qua sử dụng không có giá

trị sử dụng nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 và các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm c khoản 2 Điều 304; các điểm d, k khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Các điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thế N phạm tội “Sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Thế N 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

3. Xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 con dao (dạng dao bầu) dài 27,3 cm, phần lưỡi bằng kim loại sáng màu, dài 15,4 cm, chỗ rộng nhất 4,3 cm, mũi nhọn và một cạnh sắc, một bên bề mặt lưỡi dao có các chữ “*Dao Thép Không Rỉ, Mạnh Đồng L3, Thép N2*”, phần cán dao bằng gỗ hình trụ tròn dài 11,9 cm.

4. Án phí: Buộc bị cáo Trịnh Thế N chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/9/2025).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 3;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- CQ THAHS CA. tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Thi hành án hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Anh Đức

